

Bản án số: 118/2022/HS-ST
Ngày 21-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;
2. Ông Nguyễn Đức Lợi.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thắng Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 22/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Vũ A, sinh năm 1977 tại tỉnh Ninh Thuận; thường trú: Ấp T Ngh, xã X Th, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1954 và bà Vũ Thị Th, sinh năm 1959; bị cáo có vợ tên Phạm Thị Phương Th, sinh năm 1973, có 03 con ruột, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/7/2021; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hứa Thị Th, Luật sư Công ty Luật TNHH Ng M Ch - Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- ***Bị hại:*** Bà Trần Thị D, sinh năm 1956; thường trú: Số 160/33 đường V Th, khu phố Ch L, phường T Đ H, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1986; thường trú: Số 32/17 khu phố T Ph 1, phường T B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ông Đinh Đức A, sinh năm 1985; thường trú: Số 285 đường Nguyễn Thị T, khu phố T Th, phường T B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Ngọc Hoàng A, sinh năm 1994; thường trú: Số 56/13 khu phố Đ A, phường D A, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

4. Ông Phạm Xuân H, sinh năm 1981; thường trú: Số 454, Quốc lộ ML, Phường B, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

5. Ông Phạm Xuân Th, sinh năm 1984; thường trú: Khu phố C, thị trấn H X, huyện V L, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

** Người tham gia tố tụng khác:*

- Người chứng kiến:

1. Bà Trần Thị Bích V; vắng mặt.

2. Bà Bùi Thị K; vắng mặt.

3. Bà Phan Thị H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2016, Nguyễn Vũ A quen biết với bà Trần Thị D và sau đó hai bên nhận nhau làm mẹ nuôi, con nuôi. Tháng 4/2017, bà D mua trả góp qua Ngân hàng 01 xe ô tô hiệu Chevrolet màu trắng, biển số 61A-362.25 và sau đó giao cho Nguyễn Vũ A để làm dịch vụ taxi, không làm giấy tờ giao nhận. Hai bên thỏa thuận hàng tháng Nguyễn Vũ A sẽ trả cho bà D số tiền 8.000.000 đồng.

Tuy nhiên đến tháng 11/2018, do làm ăn thua lỗ nên Nguyễn Vũ A lên mạng internet thuê người khác làm giả cho mình 01 hợp đồng ủy quyền với nội dung và bà Trần Thị D ủy quyền cho Nguyễn Vũ A có quyền định đoạt chiếc xe ô tô hiệu Chevrolet màu trắng, biển số 61A-362.25. Sau khi có được hợp đồng ủy quyền giả, Nguyễn Vũ A mang chiếc xe đến cầm cố cho ông Đinh Đức A với số tiền 260.000.000 đồng. Nguyễn Vũ A giao xe và các giấy tờ gồm 01 hợp đồng ủy quyền, 01 giấy đăng ký xe bản pho to công chứng, 01 giấy kiểm định bản chính.

Sau khi chiếm đoạt được xe Nguyễn Vũ A bỏ trốn đi làm ăn ở tỉnh Ninh Bình, cắt liên lạc với bà Trần Thị D và anh Đinh Đức A. Bà D có liên lạc được với A vài lần nhưng A nói dối là xe đang cho người khác thuê nên bà D trình báo cơ quan Công an. Ngày 10/4/202, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An thụ lý tin báo giải quyết theo quy định. Hiện tại bà D đang giữ giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu Chevrolet màu trắng, biển số 61A-362.25 bản chính.

Sau nhiều lần liên lạc với Nguyễn Vũ A không được nên vào khoảng tháng 4/2020, ông An bán chiếc xe ô tô hiệu Chevrolet màu trắng, biển số 61A-362.25 cho ông Trần Văn T với giá 105.000.000 đồng để thu hồi vốn, sau đó thông qua Showroom “Song Anh” ở đường Lê Hồng Ph, thành phố Th D M, tỉnh Bình Dương, ông Trần Văn T và ông Nguyễn Ngọc Hoàng An môi giới bán lại chiếc xe này cho ông Phạm Xuân Th ở huyện V L, tỉnh Quảng Trị với giá 250.000.000 đồng. Ông Th sử dụng làm phương tiện đi lại đến tháng 12/2020 thì bán lại cho người khác (không rõ nhân thân, lai lịch) ở thành phố Đà Nẵng. Hiện chưa thu hồi được chiếc xe cùng các giấy tờ liên quan.

Vào tháng 11/2020, Nguyễn Vũ A trở về lại tỉnh Đồng Nai sinh sống. Đến ngày 19/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A phát hiện Anh đang ở nhà nên mời lên cơ quan làm việc, tại đây A đã đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nhà của Nguyễn Vũ A tại số 165, ấp C D, xã B L, thành phố L Kh, tỉnh Đồng Nai. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A thu giữ được các tài liệu đồ vật gồm: 01 Bằng tốt nghiệp Đại học Trường đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, số 657379 mang tên Nguyễn Vũ A, sinh ngày 20/9/1977; 01 Giấy phép lái xe hạng D, số 740138015881, mang tên Nguyễn Vũ A, sinh năm 1977 và 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Vũ A, sinh ngày 20/9/1977.

Nguyễn Vũ A khai nhận bằng Đại học và bằng lái xe hạng D là giả. Vào khoảng tháng 6/2020 khi đang uống cà phê tại phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương do muốn mở công ty dịch vụ bảo vệ và lái xe ô tô 16 chỗ nên Nguyễn Vũ A lên mạng internet cung cấp thông tin cá nhân của mình cho người khác trên mạng làm giả 02 loại giấy tờ trên với giá 4.000.000 đồng. Sau đó các giấy tờ giả được chuyển phát về cho Nguyễn Vũ A nhận tại khu vực ngã tư Ch L, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương.

* Căn cứ Kết luận giám định số 330/GĐ-PC09 ngày 27/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Một (01) “Giấy phép lái xe (PET)” số 740138015881, mang tên “Nguyễn Vũ A”, sinh năm 1977, nơi cư trú: T Ngh, X.X Th, H.Th Nh, T.Đồng Nai, đề ngày 26/10/2016 (ký hiệu A1) là giả.

* Căn cứ Kết luận giám định số 362/GĐ-PC09 ngày 23/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Dương, kết luận:

Hình dấu tròn có nội dung “* BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH” trên “Bằng tốt nghiệp đại học” số hiệu bằng A 657379 của Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, cấp cho “Nguyễn Vũ Anh”, sinh năm 1977, đề ngày 10/10/2000 (ký hiệu A) so với hình dấu tròn có nội dung “* BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO * ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH - TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ” trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M3) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

* Căn cứ Kết luận định giá số 141/KLĐG-HĐĐGTS ngày 18/8/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố Dĩ An, kết luận: 01 (một) xe ô tô con nhãn hiệu Chevrolet, số loại: Cruze, màu sơn: Trắng, biển số 61A - 362.25 có trị giá 400.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Vũ A khai nhận còn thực hiện thêm 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện Gi V, tỉnh Ninh Bình nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố D A đã có văn bản thông báo và chuyển toàn bộ hồ sơ tài liệu cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Gi Vi, tỉnh Ninh Bình để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về các Kết luận giám định số 330/GĐ-PC09 ngày 27/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương; Kết luận giám định số 362/GĐ-PC09 ngày 23/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Dương và Kết luận định giá số 141/KLĐG-HĐĐGTS ngày 18/8/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố Dĩ An.

Đối với Đinh Đức A, Trần Văn T, Nguyễn Ngọc Hoàng A, Phạm Xuân Th, không biết chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Chevrolet, số loại: Cruze, màu sơn: Trắng,

biển số 61A - 362.25 là do Nguyễn Vũ A phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A, tỉnh Bình Dương không đặt xử lý.

Đối với hợp đồng ủy quyền với nội dung bà Trần Thị D ủy quyền cho Nguyễn Vũ A có quyền định đoạt xe ô tô con nhãn hiệu Chevrolet, số loại: Cruze, màu sơn: Trắng, biển số 61A - 362.25, do không thu hồi được nên không xem xét xử lý đối với hành vi này.

Tại Cáo trạng số: 52/CT-VKS ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố Nguyễn Vũ A về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 3 Điều 175 và điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Vũ A về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 175 và điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ A từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và xử phạt từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, đồng thời áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt của 02 tội danh từ 09 năm 06 tháng đến 11 năm tù.

* Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) Giấy phép lái xe giả (PET)” số 740138015881, mang tên “Nguyễn Vũ A” và 01 (một) Bằng tốt nghiệp Đại học giả số hiệu bằng A657379 của Trường Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, cấp cho Nguyễn Vũ A là vật chứng của vụ án nên đề nghị tịch thu lưu hồ sơ.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thị D yêu cầu bị cáo Nguyễn Vũ A phải bồi thường số tiền 400.000.000 đồng, là tiền xe bị chiếm đoạt. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo đối với bị hại.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Vũ Anh tranh luận:* Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo, người bào chữa đưa ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tác động gia đình đến gặp bị hại Để đề bồi thường số tiền 40.000.000 đồng nhưng bị hại Để không nhận; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đồng thời sau khi phạm tội bị cáo đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo, cụ thể là xử phạt 07 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và 02 năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

- Bị hại Trần Thị D đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo cũng như buộc bị cáo bồi thường theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm, còn mức hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo không có ý kiến tranh luận với Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng và về trách nhiệm dân sự đồng thời bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, các kết quả giám định, định giá và các chứng cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào khoảng tháng 11/2018 tại phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Nguyễn Vũ A lợi dụng sự tin nhiệm của bị hại bà Trần Thị D đã thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Chevrolet, số loại: Cruze, màu sơn: Trắng, biển số 61A-362.25 có trị giá 400.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 6/2020, Nguyễn Vũ A thực hiện hành vi làm giả 01 (một) bằng Đại học của Trường Đại học K t Thành phố H Ch M và 01 (một) giấy phép lái xe ô tô hạng D thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A phát hiện bắt giữ.

[3] Như vậy, hành vi trên đây của bị cáo sau khi nhận tài sản của bị hại rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của bị hại có giá trị 400.000.000 đồng của bị hại và làm giả 01 bằng Đại học, 01 giấy phép lái xe hạng D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định khoản 3 Điều 175 và điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số: 52/CT – VKS ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo Nguyễn Vũ A về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định khoản 3 Điều 174 và điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương đồng thời xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước. Về nhận thức bị cáo hoàn toàn biết hành vi nhận tài sản của bị hại rồi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân và làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức là trái pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn kiếm tiền nhanh chóng không

phải lao động để phục vụ nhu cầu bản thân mà bị cáo cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[8] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ và trật tự quản lý hành chính Nhà nước đồng thời hành vi của bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*” và theo khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định, áp dụng hình phạt tù cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) Giấy phép lái xe giả (PET)” số 740138015881, mang tên “Nguyễn Vũ A” và 01 (một) Bằng tốt nghiệp Đại học giả số hiệu bằng A657379 của Trường Đại học k t Thành phố H Ch M, cấp cho Nguyễn Vũ A là vật chứng của vụ án nên tịch thu lưu hồ sơ

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thị D yêu cầu bị cáo Nguyễn Vũ A phải bồi thường số tiền 400.000.000 đồng, là tiền xe bị chiếm đoạt. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo đối với bị hại.

[11] Đối với Đinh Đức A, Trần Văn T, Nguyễn Ngọc Hoàng A, Phạm Xuân Th, không biết chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Chevrolet, số loại: Cruze, màu sơn: Trắng, biển số 61A - 362.25 là do Nguyễn Vũ A phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương không đặt xử lý và đối với hợp đồng ủy quyền với nội dung bà Trần Thị D ủy quyền cho Nguyễn Vũ

A có quyền định đoạt xe ô tô con nhãn hiệu Chevrolet, số loại: Cruze, màu sơn: Trắng, biển số 61A - 362.25, do không thu hồi được nên không xem xét xử lý đối với hành vi này, là đúng theo quy định của pháp luật.

[12] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Người bào chữa cho bị cáo đưa ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có cơ sở chấp nhận một phần.

[14] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ A phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

1.1 Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ A 07 (bảy) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1.2 Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

1.3 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt cả 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Vũ A phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/7/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Buộc bị cáo Nguyễn Vũ A bồi thường cho bị hại Trần Thị D 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất

quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Vũ A phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

